

LÍ THUYẾT DỊCH THUẬT CHỨC NĂNG CỦA C.NORD

TRẦN BÍCH LAN

(NCS Khoa Ngôn ngữ, ĐHKHXH & NV, ĐHQG HN)

1. Mở đầu

Từ thập niên 70 của thế kỉ XX, lí luận dịch thuật chức năng được phát triển mạnh mẽ ở Đức, khởi đầu chủ yếu là các dịch giả đồng thời cũng là giảng viên dịch thuật ở một số trường đại học. Cơ sở của lí thuyết dịch thuật chức năng là ngữ pháp chức năng theo nghĩa rộng. Lí thuyết này mang tính đánh giá và tính khuôn khổ. Tính đánh giá có nghĩa là nhận xét chức năng của dịch thuật trong tình huống văn hóa nhất định. Tính khuôn khổ có nghĩa là nên đào tạo phiên dịch viên chuyên nghiệp trong tương lai, yêu cầu họ phải dịch tốt (thỏa mãn một chức năng nào đó) và bản dịch thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Hơn nữa, người dịch phải tìm được luận cứ vững chắc để tránh bị người ủy thác và người sử dụng văn bản phê bình là không hợp lí.

Do trở ngại ngôn ngữ gây ra, những độc giả không biết tiếng Đức không thể hiểu được công trình nghiên cứu và quan điểm của học giả nước Đức, thậm chí còn hiểu nhầm quan điểm của họ. Cảm nhận địa vị quan trọng của ngôn ngữ trong hoạt động giao lưu học thuật trên quốc tế, Christiane Nord, một nhân vật tiêu biểu của giới nghiên cứu dịch thuật ở nước Đức đã dịch công trình của mình từ tiếng Đức sang tiếng Anh để xuất bản với tiêu đề là *Text Analysis in Translation: Theory, Methodology, and Diactic Application of a Model for Translation-Oriented Text Analysis*. Cuốn sách này đã gây lên phản ứng mạnh mẽ ở dịch giới. Sau đó, C. Nord trực tiếp viết cuốn

sách bằng tiếng Anh, *Translating as a Purposeful Activity: Functionalist Approach Explained*, xuất bản năm 1997. Công trình này giới thiệu một cách toàn diện lí luận của trường phái dịch thuật chức năng Đức, giải thích rõ những chỗ mơ hồ về lí luận và thuật ngữ, đồng thời trình bày rõ hơn quan điểm của tác giả về chức năng dịch thuật.

Chịu sự ảnh hưởng sâu sắc về lí thuyết loại hình học văn bản của Reiss, trung thành với lí thuyết mục đích của H. Vermeer, tán thưởng lí thuyết hành vi dịch thuật của Holz-Mänttari, nhưng Nord cũng có kiến giải riêng của mình. Nord đưa nguyên tắc trung thành vào mô hình chức năng và mong muốn giải quyết được những vấn đề chức năng hóa trong quá trình dịch thuật. Trung thành theo Nord có nghĩa là thừa nhận mối quan hệ liên nhân giữa dịch giả, tác giả bản gốc, người tiếp nhận bản dịch và người khởi xướng việc dịch. Nord tuyên bố rằng lí thuyết chức năng (functional theory) không những có thể bao gồm tất cả loại hình trong dịch thuật mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với việc dạy học biên phiên dịch.

2. Khái quát chung về lí thuyết dịch thuật chức năng ở nước Đức

Trước khi lí thuyết dịch thuật chức năng xuất hiện và chiếm địa vị chủ yếu, lí luận tương đương lấy ngôn ngữ học làm cơ sở là lí thuyết dịch thuật chủ đạo ở nước Đức. Các học giả theo lí thuyết dịch thuật tương đương như Wolfram Wills và Werner Koller thường coi trọng bản gốc và cho rằng đặc trưng của văn bản nguồn nên được bảo lưu

trong văn bản đích. Nhưng theo Nord thì trong thực tế “đôi khi dịch những văn bản ứng dụng (như quảng cáo, bản thuyết minh) mà không phải là tác phẩm văn học, những nhà lí luận tương đương hướng về cách dịch tự do (not word for word translation). Với thể loại diễn ngôn và loại hình văn bản khác nhau, họ chọn tiêu chuẩn dịch thuật khác nhau thậm chí tiêu chuẩn đối lập để quyết định cách dịch khác nhau. Điều đó càng làm cho người ta khó hiểu về lí luận tương đương.” [Nord, 1997:8] Từ thực trạng này, một số học giả nhất là những giáo viên đào tạo phiên dịch viên dần dần không hài lòng với tình hình lí luận dịch thuật xa rời thực tế, và mong có một lí luận mới ra đời. Nord nói rằng đây có thể là nguyên nhân làm cho một số nhà dịch thuật học chuyển từ lí thuyết dịch tương đương sang lí thuyết dịch thuật chức năng.

Trường phái dịch thuật chức năng bắt đầu xuất hiện và phát triển ở Đức vào những năm 80 – 90 của thế kỉ XX với các đại biểu như Katharina Reiss, Hans J. Vermeer, Justa Holz-Mänttari và Christiane Nord. Các lí thuyết có ý nghĩa lịch sử của trường phái lí thuyết dịch thuật này là: lí thuyết phê bình dịch thuật chức năng, còn có tên gọi lí thuyết loại hình văn bản (Text typology) của Reiss, lí thuyết mục đích (Skopostheorie) của Vermeer, lí thuyết hành vi dịch thuật (Theory of Translation Action) của Holz-Mänttari và lí thuyết chức năng + trung thành (Function plus Loyalty) của Nord. Nếu như Reiss, Vermeer và Holz-Mänttari là các đại biểu thuộc thế hệ thứ nhất của trường phái chức năng Đức, thì Nord thuộc thế hệ thứ hai. Vì vậy, có thể nói rằng lí thuyết của Nord được hình thành và phát triển trên cơ sở của lí luận của các nhà nghiên cứu thế hệ thứ nhất. [Nord, 1997: 129 - 130]

2.1 Lí thuyết loại hình văn bản của Reiss

K. Reiss là một nhà dịch thuật học và chuyên gia đào tạo dịch giả có kinh nghiệm.

Vermeer và Nord đều là đệ tử của bà. Năm 1971, Reiss đã đề xuất vấn đề loại hình chức năng về dịch thuật trong cuốn sách *Translation Criticism: The Potentials and Limitation: Categories and Criteria for Translation Quality Assessment*. Nói chung cuốn sách này vẫn lấy lí luận tương đương làm cơ sở nhưng thường được coi là sự mở đầu của nghiên cứu phân tích dịch thuật học của Đức. Reiss muốn căn cứ quan hệ chức năng giữa văn bản ngữ nguồn và văn bản ngữ đích để xây dựng một mô hình phê bình dịch thuật. Dịch thuật lí tưởng theo bà là “sự tương đương về mặt tư tưởng nội dung, hình thức ngôn ngữ và chức năng giao tiếp giữa văn bản ngôn ngữ nguồn và văn bản ngôn ngữ đích”. Bà gọi dịch thuật kiểu này là việc thực hiện một “hành vi giao tiếp hoàn chỉnh” (integral communicative performance) (dẫn theo Nord, 1997: 9).

Reiss còn nhận ra rằng trên thực tế mục đích hoặc chức năng của bản dịch có thể không nhất trí với mục đích hoặc chức năng của bản gốc, vậy dịch thuật không nhất thiết phải yêu cầu tương đương. Ví dụ, cải biên một văn xuôi thành kịch sân khấu, dịch một bản kịch của Shakespear để làm giáo trình dạy học ngoại ngữ, dịch một bài thơ ca Arập từng chữ cho một nhà thơ nước Anh không biết tiếng Arập để giúp anh ấy dịch nghĩa bài thơ đó, dịch cuốn sách *Gulliver's Travels* (tác giả – Jonathan Swift) cho nhi đồng, hoặc vì lí do tôn giáo, dân tộc hoặc thương mại cải biên cuốn sách thành các văn bản có tư duy và hình thức khác nhau, v. v. Reiss loại trừ những ngoại lệ này ra khỏi phạm vi của “dịch thuật”, và gợi ý rằng nên gọi chúng là các hình thức “chuyển hoá” (transfer) [Nord, 1997: 9-10] . Với các trường hợp như vậy, chức năng của dịch thuật được ưu tiên hơn tiêu chuẩn tương đương. Nhà phê phán dịch thuật không còn ý lại việc phân tích đặc trưng của bản gốc mà

căn cứ hoàn cảnh của dịch thuật để phán đoán bản dịch có chức năng hay không.

Về sau, Reiss kết hợp lí thuyết loại hình văn bản với sách lược dịch thuật thành một lí thuyết cụ thể được trình bày trong cuốn sách do bà và Vermeer đồng tác giả. Theo Reiss, lí thuyết loại hình văn bản có thể giúp người dịch xác định mức độ tương đương thích hợp với mục đích dịch thuật nhất định. Reiss phân biệt hai hình thức phân chia loại hình văn bản. Thứ nhất là loại hình văn bản (Texttypen) phân chia theo chức năng giao tiếp của chủ thể, gồm: thông báo, biểu cảm, cầu khiến. Thứ hai là thể loại diễn ngôn hoặc biến thể văn bản (Textsorten) phân chia theo đặc trưng ngôn ngữ hoặc phong cách như: sách công cụ, bài diễn thuyết, tác phẩm châm biếm hoặc quảng cáo. Theo bà, mỗi một loại hình văn bản đều có thể bao gồm nhiều thể loại, nhưng một thể loại (như thư tín) không nhất định chỉ liên quan tới một loại hình văn bản: thư tình có thể có chức năng biểu cảm, thư tín thương mại có thể có chức năng thông báo, đơn từ có thể có chức năng cầu khiến.

Vì đặc trưng thể loại diễn ngôn được thừa nhận theo thói quen sử dụng, vậy phân chia thể loại với việc xác định chiến lược dịch thuật có ý nghĩa quan trọng. “Tất cả loại hình dịch thuật theo hoàn cảnh cụ thể đều được giải thích một cách hợp lí. Dịch từng từ rất có ích trong nghiên cứu ngôn ngữ học đối chiếu, dịch ngữ pháp lại rất hữu hiệu với việc học ngoại ngữ, các kiểu dịch có phương thức diễn đạt nhất định trong mọi ngôn ngữ với công việc nghiên cứu học thuật cực kì quan trọng.” [Nord, 1997:10]. Có thể thấy rằng việc phân tích loại hình văn bản sẽ giúp cho người dịch lựa chọn sách lược dịch thuật hợp lí nhất.

2.2 Lí thuyết mục đích của Vermeer

Từng theo K. Reiss học phiên dịch, ngôn ngữ học đại cương và nghiên cứu dịch thuật, đi vào lí thuyết dịch thuật Vermeer thử

nghiệm bắc một cầu nối giữa thực tiễn với lí luận. Ông coi dịch thuật là hoạt động chuyển đổi, và cũng như bất kì một hoạt động nào của loài người, dịch thuật với tư cách là hoạt động chuyển đổi cũng có một mục tiêu, một mục đích. Hơn nữa, hành động đó có thể dẫn tới một kết quả, một tình huống hoặc sự kiện mới, có khả năng tạo ra một sự vật mới. Đây là lí do Vermeer gọi lí thuyết của mình là lí thuyết mục đích (Skopostheorie).

Lí thuyết mục đích là một lí thuyết ứng dụng khái niệm mục đích (Skopos) vào dịch thuật. Hạt nhân của lí thuyết này là: Nhân tố chính quyết định quá trình dịch thuật là mục đích của hoạt động dịch thuật. Skopos trong tiếng Hi Lạp có nghĩa là “mục đích”. Trong lí thuyết của Vermeer, thuật ngữ Skopos được dùng để chỉ mục đích của bản dịch. Ngoài từ Skopos, Vermeer còn dùng một số thuật ngữ có liên quan như mục tiêu (aim), mục đích (purpose), ý đồ (intention) và chức năng (function). Nhằm tránh lẫn lộn các khái niệm, Nord đề nghị quy chúng thành hai loại tức là “ý đồ” và “chức năng”: “ý đồ” định nghĩa từ góc độ người gửi, “chức năng” lại căn cứ cầu mong, nhu cầu, kiến thức vốn có và điều kiện tình huống của người nhận để quyết định chức năng văn bản.

Trong khung lí thuyết của Vermeer, nhân tố chính quyết định mục đích dịch thuật là người nhận bản dịch. Họ có tri thức văn hóa riêng, nguyện vọng của họ với bản dịch và nhu cầu giao tiếp. Mỗi một bản dịch đều hướng tới người nhận nhất định, vậy dịch thuật là “văn bản phục vụ cho mục đích nào đó và người nhận trong tình huống ngôn ngữ đích” [Nord, 1997: 12]. Việc Vermeer ít khi đề cập đến bản gốc trong lí thuyết mục đích cho thấy rằng địa vị của bản gốc trong lí thuyết mục đích hiển nhiên thấp hơn trong lí luận tương đương. Vermeer cho rằng bản gốc chỉ là nguồn cung cấp một số hoặc toàn bộ thông tin cho người nhận.

(xem tiếp trang 37)

phong phú, không những thế nó còn là pho sách khái quát được cả một vấn đề lớn của xã hội.

Trước những thách thức của thời kì “hậu hiện đại”, xã hội thông tin toàn cầu hóa, có lẽ chúng ta phải nhờ những câu ca dao mộc mạc, nhẹ nhàng mà đắm thắm sâu nặng tình người này để truyền tải những thông tin, những tín ngưỡng vốn có rất xa xưa của người Việt để nó không mai một đi. Và ta tin rằng con người Việt Nam ngày nay có đủ bản lĩnh và tri thức để lựa chọn cho mình những giá trị tâm linh đúng đắn và hữu ích đem lại hạnh phúc cho chính mình và cộng đồng. Điều đó càng chắc chắn hơn khi có những câu ca da diết thúc giục lòng người luôn sánh bước cùng chúng ta trong cuộc đời.

Tài liệu tham khảo

1. Toan Ánh (1968), *Tín ngưỡng Việt Nam*, Quyển Hạ, Nam Chi Tùng Thư, Sài Gòn.
2. Nguyễn Đăng Duy (2008), *Văn hoá tâm linh*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.
3. Nguyễn Duy Hình (2007), *Tâm linh Việt Nam*, NXB Từ điển Bách khoa.
4. Nguyễn Xuân Kính (2001), *Kho tàng ca dao người Việt*, NXB Văn hoá thông tin - Trung tâm văn hoá Đông Tây, Hà Nội.
5. Dương Văn Lượng, *Một số vấn đề về văn hoá tâm linh ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Cộng sản - <http://www.tapchicongsan.org.vn>.
6. Hoàng Phê (1997), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 20-12-2009)

(Lí thuyết dịch thuật....tiếp theo trang 18)

2.3 Lí thuyết hành vi dịch thuật của Holz-Mänttari

Justa Holz-Mänttari là một nhà dịch thuật Đức gốc Phần Lan và là giáo viên đào tạo dịch giả chuyên nghiệp. Là một nhà lí luận dịch thuật có nhiều chuyên khảo, nhưng rất tiếc là sách của bà ít được dịch sang tiếng Anh nên các lí thuyết của bà được ít người biết đến. Trong lĩnh vực nghiên cứu dịch thuật, Holz-Mänttari là một trong những đại biểu tiên phong. Năm 1981, Holz-Mänttari xuất bản cuốn sách “Lí thuyết hành vi dịch thuật và phương pháp nghiên cứu”, trong đó, bà hầu như không sử dụng từ “dịch thuật” mà thay bằng thuật ngữ “hành vi dịch thuật”. Hành vi dịch thuật được Holz-Mänttari giải thích như là “một hành vi phức tạp được thiết kế để thực hiện mục đích nào đó” [Nord, 1997:13], có mục đích là vượt qua những trở ngại của ngôn ngữ và văn hóa để truyền đạt thông tin. Nord đã từng bình luận rằng quan niệm của Holz-Mänttari: “đã làm cho bà đi chệch khái niệm “dịch thuật” theo ý nghĩa truyền thống và kì vọng của độc giả với “dịch thuật”. [Nord, 1997:12].

Bên cạnh việc nhấn mạnh vào hành vi của quá trình dịch thuật, Holz-Mänttari còn chú ý phân tích vai trò của người tham gia vào hành vi dịch thuật (người khởi xướng hành vi, người dịch, người sử dụng bản dịch, người nhận thông tin) và điều kiện tình huống (thời gian, địa điểm, môi giới). Bà rất chú ý đến địa vị của người dịch trong xã hội phân công theo lao động. Holz-Mänttari còn dẫn cả lí thuyết không chế sinh vật vào tác phẩm gần đây của bà nhằm giải thích điều kiện thích nghi trong sự hợp tác giữa cá nhân có tính cách là thành phần của xã hội [Nord, 1997:13].

(còn nữa)

(Ban Biên tập nhận bài ngày 20-01-2010)